TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 17/2022/HNGĐ - ST Ngày: 21-4-2022 V/v: "Tranh chấp ly hôn"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoài Đức Huệ

Bà Lê Thị Kim Xuyến

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Đặng Vân Hoàng Yến– Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 228/2021/TLST-HNGĐ ngày 21/5/2021 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thanh T, sinh năm 1995

Địa chỉ: A/117, ấp Bến Cộ, xã Đại Phước, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh Đặng Trung T, sinh năm 1991
Địa chỉ: ấp Cát Lái, xã Đại Phước, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T và anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/5/2021 và các lời khai tại hồ sơ, nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T trình bày: Chị và anh Đặng Trung T xây dựng gia đình với nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phú Hữu, huyện N, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25 tháng 02 năm 2014. Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Nguyên nhân chị T yêu cầu ly hôn là do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường bất đồng quan điểm sống, anh T không chăm lo cho gia đình.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Đặng Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 13/10/2011. Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T khai không có.

Bị đơn anh Đặng Trung T trình bày theo bản tự khai ngày 29/11/2021:

Anh và chị Lê Thị Thanh T xây dựng gia đình với nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hữu, huyện N. Việc kết hôn do cả hai đều tự nguyện. Nay chị T xin ly hôn, anh đồng ý thuận tình ly hôn. Lý do anh đồng ý ly hôn là vợ chồng không giải quyết được mâu thuẫn gia đình.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là cháu Đặng Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 13/10/2011. Nếu ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị T không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh T. Về con chung: giao con chung cho chị T được quyền nuôi dưỡng, tạm thời anh T không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T và bị đơn anh Đặng Trung T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T và anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Trung T và chị Lê Thị Thanh T xây dựng gia đình với nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xãP, huyện N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13/2014 ngày 25/02/2014, việc kết hôn do cả hai đều tự nguyện nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Chị T xin ly hôn với anh T với lý do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường hay xảy ra mâu thuẫn, anh T không chăm lo cho gia đình.

Xét thấy, qua kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hữu thì địa phương không xác định được nguyên nhân tranh chấp ly hôn giữa chị T và anh T. Ngày 02/12/2021 Tòa án nhân dân huyện N nhận được bản tự khai của anh Đặng Trung T thể hiện anh T đồng ý ly hôn với chị T do không giải quyết được mâu thuẫn trong gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy, việc đồng ý thuận tình ly hôn của anh T là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung: Chị T và anh T có 01 người con chung là cháu Đặng Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 13/10/2011. Hiện nay cháu A do chị T đang nuôi dưỡng. Anh T hiện đanh chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị ma túy tỉnh Đồng Nai. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu A có nguyện vọng được sống chung với chị T. Mặt khác, cần đảm bảo ổn định cuộc sống và tâm lý của cháu A nên Hội đồng xét xử giao con chung là cháu A cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Anh T yêu cầu được nuôi con nhưng hiện nay anh T đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nên không đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, vì vậy yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của anh T không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Lê Thị Thanh T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 9 và Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp ly hôn" của chị Lê Thị Thanh T đối với anh Đặng Trung T.

Xử cho chị Lê Thị Thanh T được ly hôn với anh Đặng Trung T.

Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Đặng Ngọc Quỳnh Anh, sinh ngày 13/10/2011 cho chị Lê Thị Thanh T nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Tạm thời anh Đặng Trung T không cấp dưỡng con.

Anh Đặng Trung T được quyền đến thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí: Chị Lê Thị Thanh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0005707 ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Lâm